

Số: 69 /TTr-UBND

Quảng Ngãi, ngày 05 tháng 7 năm 2018

TỜ TRÌNH

**Đề nghị ban hành Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ đào tạo nghề,
giải quyết việc làm trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi**

TT CÔNG BÁO & TIN HỌC Q. NGÃI	
ĐẾN	Số: 6562
	Ngày: 06/7/18
	Chuyên:

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi

Thực hiện quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; UBND tỉnh trình HĐND tỉnh đề nghị ban hành nghị quyết Quy định chính sách hỗ trợ đào tạo nghề, giải quyết việc làm trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

Trong những năm qua, tỉnh Quảng Ngãi đã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo công tác đào tạo, bồi dưỡng phát triển nguồn nhân lực của tỉnh, đặc biệt là nguồn nhân lực qua đào tạo nghề, gắn đào tạo nghề với giải quyết việc làm; góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động, nâng cao hiệu quả kinh tế hộ gia đình và địa phương, bước đầu đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa của tỉnh.

Tuy nhiên, so với yêu cầu việc đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao của tỉnh vẫn còn nhiều bất cập, chất lượng đào tạo nghề, ngành nghề đào tạo chưa gắn với nhu cầu của người sử dụng lao động; đào tạo chưa gắn với giải quyết việc làm, chưa phù hợp với nhu cầu thị trường, thiếu công nhân lành nghề ở các lĩnh vực then chốt, dẫn đến tình trạng lao động vừa thừa, lại vừa thiếu, trong khi đó các doanh nghiệp cần nhân lực lại không tuyển dụng được lao động. Một số cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh quy mô nhỏ, chất lượng đào tạo thấp, khả năng tìm việc và tự tạo việc làm của người lao động qua đào tạo còn hạn chế, nhiều sinh viên, học sinh tốt nghiệp ở các trường đại học, cao đẳng, trung cấp không tìm được việc làm. Mặt khác, công tác quản lý nhà nước về đào tạo nghề trong thời gian qua mới chủ yếu là quản lý đầu vào, quản lý quá trình đào tạo, chưa quản lý và kiểm soát được đầu ra cũng như chất lượng đào tạo nghề; các cơ sở đào tạo nghề của tỉnh chỉ đào tạo theo năng lực sẵn có, chưa tổ chức đào tạo theo nhu cầu học nghề của người lao động và yêu cầu của thị trường lao động, sự kết nối giữa cơ sở đào tạo nghề với các doanh nghiệp chưa hiệu quả...

Đứng trước một thị trường lao động năng động và thay đổi nhanh chóng trong quá trình phát triển kinh tế và hội nhập quốc tế. Trước yêu cầu mới của công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, Nghị quyết số 29/NQ-TW ngày 04/11/2013 của Hội nghị Trung ương 8, khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đã khẳng định vấn đề phát triển giáo dục, đào

tạo nguồn nhân lực là một nội dung rất quan trọng của chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và phải được ưu tiên, quan tâm chỉ đạo thực hiện; Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2015-2020 đã xác định phát triển nguồn nhân lực một trong những 03 nhiệm vụ đột phá nhằm góp phần đưa Quảng Ngãi trở thành tỉnh công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020.

Để khắc phục những hạn chế trong công tác đào tạo nghề thời gian qua, phấn đấu đạt mục tiêu nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, chú trọng công tác đào tạo nghề theo địa chỉ; tạo việc làm ổn định; tăng thu nhập của người lao động; góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động; các cơ sở đào tạo nghề thực hiện đào tạo theo nhu cầu của người sử dụng lao động, gắn đào tạo với sử dụng lao động thì việc xây dựng “Chính sách hỗ trợ đào tạo nghề, giải quyết việc làm trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi” là thật sự cần thiết.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO VIỆC XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích

Phát triển nguồn nhân lực qua đào tạo nghề đảm bảo về số lượng, chất lượng, cơ cấu trình độ, cơ cấu ngành, nghề đào tạo, đáp ứng nhu cầu nhân lực kỹ thuật trực tiếp của thị trường lao động. Tập trung đào tạo nguồn nhân lực cho những ngành, lĩnh vực có vai trò quyết định, tạo bước đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội, gắn đào tạo nghề với giải quyết việc làm, góp phần thực hiện chuyển dịch cơ cấu lao động, nâng cao thu nhập, giảm nghèo bền vững, đảm bảo an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh.

2. Quan điểm chỉ đạo

- Tăng cường liên kết giữa nhà nước, doanh nghiệp, cơ sở đào tạo và người lao động trong đào tạo nghề, gắn đào tạo với giải quyết việc làm; đổi mới công tác quản lý nhà nước về đào tạo nghề, giải quyết việc làm theo hướng nguồn lực của Nhà nước hỗ trợ trực tiếp cho doanh nghiệp để doanh nghiệp chủ động đào tạo gắn với sử dụng lao động.

- Các cơ sở đào tạo nghề thực hiện việc đào tạo thông qua đặt hàng của doanh nghiệp nơi người lao động được tiếp nhận vào làm việc. Tăng tính tự chủ về tổ chức bộ máy, chức năng, nhiệm vụ biên chế và tài chính cho các cơ sở đào tạo nghề công lập; đẩy mạnh xã hội hóa, tách dịch vụ công ra khỏi chức năng quản lý nhà nước.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

- Thực hiện Kết luận số 17-KL/TU ngày 19/4/2016 của Hội nghị Tỉnh ủy lần thứ 3, Khóa XIX về nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực trong hệ thống chính trị và phục vụ sản xuất kinh doanh giai đoạn 2016-2020, UBND tỉnh xây dựng dự thảo “Chính sách hỗ trợ nâng cao chất lượng đào tạo nghề đối với các cơ sở đào tạo nghề thuộc tỉnh Quảng Ngãi quản lý” trình Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp thứ 6, Khóa XII; tuy

nhiên, dự thảo chính sách chưa được HĐND tỉnh thông qua. Đây là chính sách, biện pháp có tính chất đặc thù riêng của tỉnh để đổi mới công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm theo hướng nguồn lực của Nhà nước hỗ trợ trực tiếp cho doanh nghiệp để doanh nghiệp chủ động đào tạo gắn với sử dụng lao động. Ngày 14/12/2017, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định số 2418/QĐ-UBND V/v thành lập Tổ công tác xây dựng chính sách hỗ trợ đào tạo nghề và giải quyết việc làm. Qua các cuộc họp, các sở, ngành đã thảo luận bám sát tinh thần Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi lần thứ XIX, trình Ban cán sự Đảng UBND tỉnh; ngày 07/5/2018, Ban cán sự Đảng UBND tỉnh đã có Tờ trình số 274/TTr-BCS trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy xin ý kiến. Ngày 22/6/2018, Ban Thường vụ Tỉnh ủy họp và cho ý kiến về dự thảo chính sách. Đồng thời, dự thảo Nghị quyết đã đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của UBND tỉnh từ ngày 23/01/2018 đến ngày 23/02/2018 để lấy ý kiến tham gia của các tổ chức, cá nhân. Các ý kiến đóng góp đã được tiếp thu chỉnh sửa.

- Trên cơ sở góp ý của các tổ chức, cơ quan, đơn vị và Báo cáo số 112/BC-STP ngày 02/7/2018 của Sở Tư pháp về Kết quả thẩm định dự thảo Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ đào tạo nghề, giải quyết việc làm trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, cơ quan chủ trì, soạn thảo đã tiếp thu, chỉnh sửa hoàn thiện dự thảo Nghị quyết, trình UBND tỉnh hồ sơ đề nghị ban hành Nghị quyết trình Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp thứ 9, khóa XII.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA NGHỊ QUYẾT

1. Bố cục

Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành chính sách hỗ trợ đào tạo nghề, giải quyết việc làm trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi theo Mẫu số 16 Phụ lục I Ban hành kèm theo Nghị định số 34/2016/NĐ-CP; nội dung dự thảo Nghị quyết có 06 điều.

2. Nội dung cơ bản

I. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định chính sách hỗ trợ đào tạo nghề, giải quyết việc làm trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các doanh nghiệp được thành lập và hoạt động theo quy định của Luật Doanh nghiệp; cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn tỉnh có nhu cầu tuyển dụng lao động qua đào tạo các cấp trình độ cao đẳng, trung cấp vào làm việc tại đơn vị (gọi chung là các doanh nghiệp);

b) Các trường cao đẳng, trung cấp, cơ sở giáo dục đại học có đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp trình độ cao đẳng trên địa bàn tỉnh (gọi chung là các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp);

c) Người học trong độ tuổi lao động có hộ khẩu thường trú tại Quảng Ngãi (kể cả người đã tốt nghiệp đại học, cao đẳng có nhu cầu đào tạo lại) tham gia các khóa đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh; các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thực hiện chính sách hỗ trợ theo quy định tại Nghị quyết này.

II. Hỗ trợ đào tạo nghề

1. Điều kiện hỗ trợ

Doanh nghiệp phải đảm bảo các điều kiện sau:

a) Có nhu cầu đặt hàng đào tạo nghề cấp trình độ cao đẳng, trung cấp với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh để tuyển dụng người lao động có hộ khẩu thường trú tại Quảng Ngãi vào làm việc tại doanh nghiệp;

b) Có văn bản cam kết sử dụng lao động qua đào tạo vào làm việc liên tục tại doanh nghiệp thông qua hợp đồng lao động từ 12 tháng trở lên;

c) Tham gia phối hợp với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh trong đào tạo nghề (giảng dạy lý thuyết, giảng dạy thực hành và đảm bảo các điều kiện thực hiện đào tạo gồm cơ sở vật chất, thiết bị, nhà xưởng...), được thụ hưởng phần kinh phí đào tạo tương ứng với việc tham gia đào tạo.

2. Mức hỗ trợ đào tạo nghề

Ngân sách nhà nước hỗ trợ tính trên số học sinh, sinh viên ở cấp trình độ đào tạo cao đẳng, trung cấp theo từng năm học như sau:

Đơn vị tính: 1.000 đồng/năm học/học sinh, sinh viên

Năm học	Mức hỗ trợ đào tạo nghề theo cấp trình độ đào tạo	
	Trung cấp	Cao đẳng
2018 - 2019	5.600	7.300
2019 - 2020	5.400	6.900
2020 - 2021	5.200	6.700
2021 - 2022	4.900	6.400
2022 - 2023	-	5.800

3. Thời gian hỗ trợ: Tính cho số học sinh, sinh viên được tuyển sinh trong thời gian từ tháng 8 năm 2018 đến năm 2020 và học cho đến khi hoàn thành khóa học.

III. Hỗ trợ doanh nghiệp tuyển dụng lao động qua đào tạo nghề

1. Điều kiện hỗ trợ

Doanh nghiệp phải đảm bảo các điều kiện sau:

a) Tuyển dụng lao động có trình độ cao đẳng, trung cấp, có hộ khẩu thường trú tại Quảng Ngãi; ký kết hợp đồng lao động ít nhất là 36 tháng.

b) Chấp hành và thực hiện chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động đúng quy định hiện hành.

2. Nguyên tắc hỗ trợ

a) Các doanh nghiệp chỉ được hỗ trợ tính cho 01 lao động/một lần;

b) Doanh nghiệp có người lao động đã được hỗ trợ đào tạo nghề tại mục II của Nghị quyết này thì không được hỗ trợ tuyển dụng lao động qua đào tạo nghề theo quy định tại Điều này.

3. Mức hỗ trợ: 3.000.000 đồng/01 lao động.

4. Thời gian hỗ trợ: Từ ngày 01/8/2018 đến ngày 31/12/2020.

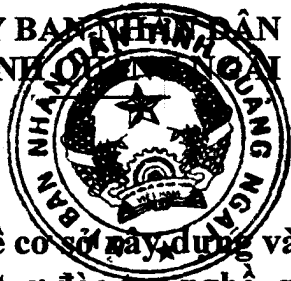
5. Nguồn kinh phí thực hiện: Từ ngân sách tỉnh.

Trên đây là Tờ trình đề nghị ban hành Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ đào tạo nghề, giải quyết việc làm trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, UBND tỉnh kính trình HĐND tỉnh khóa XII xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT Tỉnh ủy;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Ban: KTNS, VHXX-HĐND tỉnh;
- Sở Lao động- TB và XH;
- Sở Tư pháp;
- VPUB: CVP, PCVP, TH, CBTH;
- Lưu: VT.KGVXthuy363





BẢN THUYẾT MINH

Về cơ sở xây dựng và trình dự thảo Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ đào tạo nghề, giải quyết việc làm trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi
(Kèm theo Tờ trình số 69 /TTr-UBND ngày 05/7/2018 của UBND tỉnh)

1. Về phạm vi điều chỉnh

- Để khắc phục những hạn chế trong đào tạo nghề thời gian qua như: lao động qua đào tạo nghề chưa đáp ứng được yêu cầu của sản xuất và dịch vụ (một số doanh nghiệp phải đào tạo lại); việc làm của người lao động thiếu bền vững; công tác quản lý nhà nước về đào tạo nghề thời gian qua mới chủ yếu là quản lý đầu vào, quản lý quá trình đào tạo, chưa quản lý và kiểm soát được đầu ra cũng như chất lượng “sản phẩm” trong quy trình đào tạo nghề; sự kết nối giữa trường nghề với các doanh nghiệp chưa hiệu quả. Trong dự thảo chính sách xây dựng lần này với mục đích Ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí để đặt hàng đào tạo nghề nhằm đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp và đảm bảo người học vào học tại các trường nghề sẽ được tiếp nhận thực tập, thực tế và làm việc tại doanh nghiệp ngay sau khi tốt nghiệp. Đặc biệt, chú trọng khuyến khích các doanh nghiệp (kể cả doanh nghiệp FDI) hợp tác với các trường nghề để chủ động tuyển dụng và đào tạo nhân lực cho doanh nghiệp.

- Theo Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi lần thứ XIX về nhiệm vụ đột phá nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đã xác định: “Điều chỉnh, đổi mới công tác quản lý nhà nước về đào tạo nghề, giải quyết việc làm theo hướng nguồn lực của Nhà nước hỗ trợ trực tiếp cho doanh nghiệp để doanh nghiệp chủ động đào tạo gắn với sử dụng lao động”.

Như vậy, dự thảo chính sách lần này sẽ khắc phục những hạn chế trong đào tạo nghề thời gian qua; đồng thời, sử dụng có hiệu quả nguồn lực NSNN và hướng tới tăng cường liên kết giữa nhà nước, doanh nghiệp, cơ sở đào tạo và người lao động trong đào tạo nghề, gắn đào tạo với địa chỉ sử dụng lao động; bên cạnh đó, đảm bảo được nội hàm là nâng cao chất lượng đào tạo nghề, gắn đào tạo với giải quyết việc làm theo Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi lần thứ XIX. Do đó, phạm vi điều chỉnh của Nghị quyết là quy định chính sách hỗ trợ đào tạo nghề, giải quyết việc làm trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

2. Về đối tượng áp dụng

Để nâng cao chất lượng đào tạo nghề, đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực cho doanh nghiệp, trong thực hiện quản lý nhà nước về đào tạo nghề thì có 03 đối tượng tác động trực tiếp, đó là: doanh nghiệp, cơ sở đào tạo nghề và người học nghề. 03 đối tượng này có mối quan hệ tương tác trực tiếp và gián tiếp với nhau (*quan hệ về trách nhiệm cũng như về lợi ích*).

a) Các doanh nghiệp:

Bao gồm các doanh nghiệp được thành lập và hoạt động theo quy định của Luật Doanh nghiệp; cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn tỉnh có nhu cầu tuyển dụng lao động qua đào tạo các cấp trình độ cao đẳng, trung cấp vào làm việc tại đơn vị (gọi chung là các doanh nghiệp);

b) Các cơ sở đào tạo nghề:

Bao gồm các trường cao đẳng, trung cấp, cơ sở giáo dục đại học có đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp trình độ cao đẳng trên địa bàn tỉnh đảm bảo đủ các điều kiện hoạt động giáo dục nghề nghiệp (bao gồm công lập và ngoài công lập).

c) Người học:

Nhằm phát huy tiềm năng, lợi thế, tạo sức hấp dẫn cho môi trường đầu tư của tỉnh để thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước đến đầu tư tại tỉnh, trong thời gian qua, tỉnh đã ban hành một số chính sách hỗ trợ đầu tư cho các doanh nghiệp khi đầu tư trên địa bàn tỉnh, trong đó có hỗ trợ đào tạo lao động, gồm: Quyết định số 36/2016/QĐ-UBND ngày 29/7/2016 V/v Quy định về ưu đãi, hỗ trợ và thu hút đầu tư của tỉnh Quảng Ngãi. Chính sách này hỗ trợ trực tiếp cho doanh nghiệp để tổ chức đào tạo, đào tạo nâng cao, kể cả đào tạo lại **tương đương trình độ sơ cấp và đào tạo thường xuyên** khi ký kết hợp đồng lao động từ 12 tháng trở lên. Mức hỗ trợ cụ thể như sau: Thời gian đào tạo ít nhất từ đủ 05 ngày đến dưới 10 ngày: 500.000 đồng/lao động/khóa đào tạo; Thời gian đào tạo từ đủ 10 ngày đến dưới 01 tháng: 700.000 đồng/lao động/khóa đào tạo; Thời gian đào tạo từ đủ 01 tháng đến dưới 02 tháng: 1.000.000 đồng/lao động/khóa đào tạo; Thời gian đào tạo từ đủ 02 tháng đến dưới 03 tháng: 1.500.000 đồng/lao động/khóa đào tạo; Thời gian đào tạo từ đủ 03 tháng đến dưới 06 tháng: 2.000.000 đồng/lao động/khóa đào tạo.

Chính sách này đang triển khai thực hiện có hiệu quả trên địa bàn tỉnh. Trong giai đoạn 2015-2017, tỉnh đã hỗ trợ doanh nghiệp tự tổ chức đào tạo

cho 2.013 lao động (năm 2015: 609 người, năm 2016: 712 người, năm 2017: 692 người).

Qua khảo sát, hiện nay các doanh nghiệp đã và đang hoạt động trên địa bàn tỉnh có nhu cầu tuyển dụng lao động có tay nghề với số lượng khá lớn, trong đó có nhu cầu tuyển dụng trình độ cao đẳng, trung cấp để đáp ứng nhu cầu nhân lực trực tiếp trong sản xuất, kinh doanh và dịch vụ. Trong khi đó một số HSSV sau khi tốt nghiệp đại học, cao đẳng chưa có việc làm (vì học không đúng ngành, nghề) và đang có nhu cầu chuyển đổi nghề nghiệp để vào làm việc tại các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh cũng khá nhiều. Do đó, chính sách này có quy định đối tượng người học là: “Người học trong độ tuổi lao động có hộ khẩu thường trú tại Quảng Ngãi (kể cả người đã tốt nghiệp đại học, cao đẳng có nhu cầu đào tạo lại) tham gia các khóa đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh”.

3. Về nội dung chính sách và mức hỗ trợ

a) Hỗ trợ đào tạo nghề:

- Thực hiện phát triển nguồn nhân lực tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2011 - 2015 và định hướng đến năm 2020, hàng năm tỉnh phân bổ chi tiêu và bố trí kinh phí ngân sách địa phương để tổ chức đặt hàng đào tạo nghề với các cơ sở đào tạo nghề trên địa bàn tỉnh (đào tạo trình độ cao đẳng và trung cấp). Theo Quyết định số 17/2013/QĐ-UBND ngày 08/4/2013 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh định mức phân bổ chi sự nghiệp đào tạo nghề tại Quyết định số 33/2010/QĐ-UBND ngày 14/12/2010 của UBND tỉnh ban hành định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2011 - năm đầu của thời kỳ ổn định ngân sách mới; Theo đó định mức phân bổ chi sự nghiệp dạy nghề đối với trình độ cao đẳng là 8,5 triệu đồng/HSSV/năm; đối với trình độ trung cấp là 6,5 triệu đồng/HSSV/năm. Kể từ năm 2016 đến nay, tỉnh chỉ bố trí kinh phí để thực hiện đặt hàng đào tạo nghề trình độ cao đẳng, trung cấp cho số HSSV đã tuyển từ năm 2015 về trước đang tiếp tục học trong năm 2016, 2017, 2018.

- Nhằm tiếp tục đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực của tỉnh qua đào tạo nghề nhằm đáp ứng nhu cầu lao động cho các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh; đồng thời, thực hiện chủ trương cải thiện tốt môi trường đầu tư kinh doanh, đồng hành, hỗ trợ doanh nghiệp trong đào tạo lao động, qua đó cung ứng nguồn nhân lực có tay nghề cho doanh nghiệp, do đó cần có quy định chính sách để Ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí đào tạo khi doanh nghiệp có nhu cầu đặt hàng đào tạo nghề đối với các cấp trình độ cao đẳng, trung cấp với các trường cao đẳng, trung cấp, cơ sở giáo dục đại học có đăng ký hoạt

động giáo dục nghề nghiệp trình độ cao đẳng trên địa bàn tỉnh để tuyển dụng người lao động có hộ khẩu thường trú tại Quảng Ngãi vào làm việc tại doanh nghiệp. Theo đó để gắn đào tạo với kết quả đầu ra, khắc phục tình trạng người lao động cần việc thì không tìm được việc làm; doanh nghiệp sử dụng lao động thì không tuyển dụng được lao động; gây lãng phí tiền của, công sức; gây bức xúc trong nhân dân.

- Hiện nay, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh hầu hết là đơn vị sự nghiệp công lập chưa tự đảm bảo kinh phí chi thường xuyên và chi đầu tư (*kể cả trường công lập do Trung ương quản lý đóng trên địa bàn tỉnh*), như vậy, để thực hiện tổ chức đào tạo nghề theo đặt hàng, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp sẽ xác định chi phí đào tạo trên cơ sở tính toán có sự cân đối giữa hỗ trợ của Nhà nước và đóng góp của người học, thực hiện theo lộ trình giảm dần bao cấp của Nhà nước; từng bước chuyển mạnh sang cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong việc thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, nhân sự và tài chính.

- Thực hiện Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015 - 2016 đến năm học 2020 - 2021; Năm 2016, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 45/2016/QĐ-UBND ngày 09/9/2016 Quy định mức thu học phí trình độ cao đẳng, trung cấp đối với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập thuộc tỉnh quản lý từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021. Theo đó mức thu học phí được xác định trên cơ sở tính toán có sự cân đối giữa hỗ trợ của Nhà nước và đóng góp của người học, thực hiện theo lộ trình giảm dần kinh phí của Nhà nước hỗ trợ đào tạo.

- Mức chi phí đào tạo nghề được tính trên cơ sở chi phí thực tế như sau:

+ Từ mức chi phí đào tạo nghề được tính theo chi phí thực tế cho 01 HSSV/năm, sau khi trừ phần đóng góp của người học (*nộp học phí theo Quyết định số 45/2016/QĐ-UBND ngày 09/9/2016 của UBND tỉnh*) thì sẽ là phần Ngân sách nhà nước hỗ trợ, cụ thể như sau:

* Mức chi phí đào tạo đối với trình độ trung cấp (*tính cho Nhóm II: Khoa học tự nhiên, kỹ thuật, công nghệ, khách sạn, du lịch*) được tính như sau:

Đơn vị tính: 1.000 đồng/năm học/HSSV

TT	Nhu cầu kinh phí đào tạo			
	Năm học	Năm học	Năm học	Năm học

	Nội dung chi	2018 - 2019	2019 - 2020	2020 - 2021	2021 - 2022
1	Lương và các khoản đóng góp theo lương cho số giáo viên cơ hữu (theo mức lương quy định hiện hành)	4.000	4.300	4.600	4.900
2	Các khoản phụ cấp ưu đãi ngành, phụ cấp thâm niên nghề	330	350	370	390
3	Lương và các khoản đóng góp theo lương cho số cán bộ quản lý	860	880	900	920
4	Lương giáo viên thỉnh giảng (theo mức lương quy định hiện hành)	570	670	770	870
5	Học bổng cho HSSV	410	420	430	460
6	Tiền lương vượt giờ	650	670	690	710
7	Học liệu, nguyên nhiên vật liệu dạy thực hành	1.580	1.900	2.320	2.740
8	Sách thư viện, tài liệu giảng dạy	250	250	300	280
9	Dịch vụ công cộng, vật tư văn phòng, Công tác phí, thông tin liên lạc, tuyên truyền	540	600	660	720
10	Phúc lợi tập thể (chi trợ cấp khó khăn đột xuất, bảo hiểm xe ô tô, chế độ với HSSV, tiền tàu xe nghỉ phép, chi hoạt động của các tổ chức trong nhà trường)	510	630	750	970
11	Bảo trì, bảo dưỡng thường xuyên (sửa chữa nhỏ) tài sản, phụ tùng thay thế,...	750	830	935	1.290
12	Các khoản chi khác	550	600	675	750
	Tổng cộng:	11.000	12.100	13.400	14.800
	<i>Trong đó:</i>				
-	<i>Từ Nguồn thu học viên (theo QĐ số 45/2016/QĐ-UBND)</i>	<i>5.400 (49%)</i>	<i>6.700 (55%)</i>	<i>8.200 (61%)</i>	<i>9.900 (67%)</i>
-	<i>Từ Ngân sách nhà nước hỗ trợ</i>	<i>5.600 (51%)</i>	<i>5.400 (45%)</i>	<i>5.200 (39%)</i>	<i>4.900 (33%)</i>

* Mức chi phí đào tạo đối với trình độ cao đẳng (tính cho Nhóm II: Khoa học tự nhiên, kỹ thuật, công nghệ, khách sạn, du lịch) được tính như sau:

Đơn vị tính: 1.000 đồng/năm học/HSSV

TT	Nội dung chi	Nhu cầu kinh phí đào tạo				
		Năm học 2018 - 2019	Năm học 2019 - 2020	Năm học 2020 - 2021	Năm học 2021 - 2022	Năm học 2022 - 2023
1	Lương và các khoản đóng góp theo lương cho số giáo viên cơ hữu (theo mức lương quy định hiện hành)	4.300	4.600	4.900	5.200	5.500
2	Các khoản phụ cấp ưu đãi ngành, phụ cấp thâm niên nghề	370	390	410	430	450
3	Lương và các khoản đóng góp theo lương cho số cán bộ quản lý	880	900	920	940	960
4	Lương giáo viên thỉnh giảng (theo mức lương quy định hiện hành)	800	900	1000	1.200	1.400
5	Học bổng HSSV, Tiền thưởng thường xuyên	520	530	550	580	630

6	Tiền lương vượt giờ	680	690	710	730	750
7	Học liệu, nguyên nhiên vật liệu dạy thực hành	2.200	2.350	2.600	2.900	3.150
8	Sách thư viện, tài liệu giảng dạy	650	650	650	800	850
9	Dịch vụ công cộng, vật tư văn phòng, Công tác phí, TTLL tuyên truyền	800	850	1.000	1.400	1.100
10	Phúc lợi tập thể (chi trợ cấp khó khăn đột xuất, BH xe ô tô, chế độ với HSSV, tiền tàu xe nghỉ phép, chi hoạt động của các tổ chức trong nhà trường)	650	700	830	850	920
11	Bảo trì, bảo dưỡng thường xuyên (sửa chữa nhỏ) tài sản...	850	1.090	1.580	1.980	2.350
12	Các khoản chi khác	800	850	950	990	1.140
	Tổng cộng:	13.500	14.500	16.100	18.000	19.200
	<i>Trong đó:</i>					
-	<i>Từ Nguồn thu học viên (theo QĐ số 45/2016/QĐ-UBND)</i>	<i>6.200</i> <i>(46%)</i>	<i>7.600</i> <i>(52%)</i>	<i>9.400</i> <i>(58%)</i>	<i>11.600</i> <i>(64%)</i>	<i>13.400</i> <i>(70%)</i>
-	<i>Từ Ngân sách nhà nước hỗ trợ</i>	<i>7.300</i> <i>(54%)</i>	<i>6.900</i> <i>(48%)</i>	<i>6.700</i> <i>(42%)</i>	<i>6.400</i> <i>(36%)</i>	<i>5.800</i> <i>(30%)</i>

- Để đảm bảo cho nhu cầu chi phí đào tạo, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp thu từ 02 nguồn gồm: hỗ trợ của Nhà nước và đóng góp của người học.

- Theo tính toán trên thì mức hỗ trợ của Ngân sách nhà nước sẽ giảm dần mỗi năm là khoảng 6%, để hướng tới năm 2020 các đơn vị tự chủ chi thường xuyên. HSSV học trình độ trung cấp, tuyển sinh năm 2020 với thwofi gian đào tạo 2 năm thì năm 2022 sẽ tốt nghiệp; HSSV học trình độ cao đẳng, tuyển sinh năm 2020, thời gian học 3 năm thì đến năm 2023 sẽ tốt nghiệp. Ngân sách nhà nước sẽ hỗ trợ chi phí đào tạo đến khi các em hoàn thành khóa học.

Như vậy, Ngân sách nhà nước hỗ trợ tính theo số học sinh, sinh viên ở cấp trình độ đào tạo cao đẳng, trung cấp từng năm học được tổng hợp từ hai bảng biểu nêu trên. Đây là mức kinh phí Nhà nước hỗ trợ doanh nghiệp để đặt hàng đào tạo lao động, cụ thể:

Đơn vị tính: 1.000 đồng/năm học/học sinh, sinh viên

Năm học	Mức hỗ trợ đào tạo nghề theo cấp trình độ đào tạo	
	Trung cấp	Cao đẳng
2018 - 2019	5.600	7.300

2019 - 2020	5.400	6.900
2020 - 2021	5.200	6.700
2021 - 2022	4.900	6.400
2022 - 2023	-	5.800

Kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ để đặt hàng đào tạo hệ Trung cấp và Cao đẳng được tính trên cơ sở 01 HSSV có thời gian thực học theo từng khóa học. Mức hỗ trợ được tính theo năm học (gồm 3 tháng năm trước và 9 tháng năm sau như bảng nêu trên)

Ví dụ: HSSV học trình độ trung cấp, khóa học từ 2018-2020 thời gian đào tạo 02 năm: Bắt đầu học từ 01/10/2018 kết thúc 30/9/2020 được phân bổ qua các năm:

+ Năm 2018: Thời gian học 03 tháng (từ 01/10/2018-31/12/2018), kinh phí tính theo năm học 2018-2019

+ Năm 2019: Thời gian học 12 tháng, kinh phí tính chia theo 02 lần tính:

Từ 01/01/2019 đến 30/9/2019: Kinh phí tính theo mức năm học 2018-2019.

Từ 01/10/2019 đến 31/12/2019: Kinh phí tính theo mức năm học 2019-2020.

+ Năm 2020: Từ 01/01/2020 đến 30/9/2020: Kinh phí tính theo mức năm học 2019-2020.

b) Hỗ trợ doanh nghiệp tuyển dụng lao động qua đào tạo nghề

- Sự cần thiết ban hành quy định:

Thời gian qua mối quan hệ phối hợp giữa doanh nghiệp với các cơ sở dạy nghề trong hoạt động đào tạo nghề còn rất hạn chế, nếu có nhu cầu về lao động, doanh nghiệp chỉ tổ chức ứng tuyển các lao động đạt yêu cầu, chưa phối hợp tổ chức đào tạo hay bỏ chi phí liên kết với cơ sở dạy nghề để đào tạo nghề cho lao động. Ngoài ra, một số doanh nghiệp trong đó có cả các doanh nghiệp FDI tuyển dụng lao động phổ thông, chưa qua đào tạo để có chi phí nhân công giá rẻ. Đây cũng là nguyên nhân dẫn đến người học nghề tốt nghiệp ở cấp trình độ đại học, cao đẳng, trung cấp khó tìm được việc làm thời

gian qua, số lượng HSSV đã qua đào tạo nhưng thất nghiệp cao. Mặt khác, HSSV ra trường chưa tiếp cận được với máy móc, thiết bị tiên tiến của doanh nghiệp nên khi mới vào làm việc năng suất lao động, hiệu quả công việc chưa cao, cần có thời gian tập sự trên dây chuyền sản xuất của doanh nghiệp.

+ Trên cơ sở đó, đề khuyến khích, hỗ trợ cho các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh quan tâm, ưu tiên tiếp nhận sử dụng lao động có hộ khẩu tại Quảng Ngãi đã tốt nghiệp ở cấp trình độ cao đẳng, trung cấp vào làm việc ổn định tại các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh (hạn chế chọn lao động ngoài tỉnh). Việc ban hành chính sách hỗ trợ cho các doanh nghiệp khi sử dụng lao động qua đào tạo nghề là cần thiết. Chính sách này nhằm hướng tới mục tiêu khuyến khích và thu hút các thành phần kinh tế đầu tư vào tỉnh Quảng Ngãi tiếp nhận lao động địa phương. Tạo cơ hội cho người lao động Quảng Ngãi chưa tìm được việc làm có cơ hội làm việc ổn định trên địa bàn tỉnh.

- Thời gian hỗ trợ: Dự kiến chính sách này sẽ trình HĐND tỉnh tại kỳ họp giữa năm 2018 (đầu tháng 7/2018). Nên để đáp ứng nhu cầu nhân lực cho các doanh nghiệp, dự thảo chính sách có quy định thời gian hỗ trợ giải quyết việc làm khi doanh nghiệp sử dụng lao động qua đào tạo nghề từ ngày 01/8/2018 đến 31/12/2020.

- Điều kiện các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh tuyển dụng lao động có trình độ cao đẳng, trung cấp, có hộ khẩu thường trú tại Quảng Ngãi; ký kết hợp đồng lao động ít nhất là 36 tháng. Đây là thời gian người lao động được làm việc ổn định tại doanh nghiệp.

- Mức hỗ trợ 3.000.000 đồng/lao động. Cơ sở để tính định mức hỗ trợ như sau:

+ Căn cứ Nghị định 141/2017/NĐ-CP ngày 07/12/2017 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động. Tại điểm c Khoản 1 Điều 3 của Nghị định 141/2017/NĐ-CP có quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động, có quy định mức lương tối thiểu vùng áp dụng đối với người lao động làm việc ở doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn thuộc vùng III là: 3.090.000 đồng/tháng và vùng IV là 2.760.000 đồng

+ Mức lương tối thiểu vùng là mức thấp nhất làm cơ sở để doanh nghiệp và người lao động thỏa thuận và trả lương, trong đó mức lương trả cho người lao động làm việc trong điều kiện lao động bình thường, bảo đảm đủ thời giờ làm việc bình thường trong tháng và hoàn thành định mức lao động hoặc công việc đã thỏa thuận phải bảo đảm cao hơn ít nhất 7% so với mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm công việc đòi hỏi người lao động đã qua học nghề, đào tạo nghề.

+ Như vậy, đối với lao động qua đào tạo nghề làm việc ở doanh nghiệp trên địa bàn Vùng III (gồm huyện Bình Sơn và Sơn Tịnh) được trả lương với mức thấp nhất như sau: $3.090.000 \text{ đồng} + (3.090.000 \times 7\%) = 3.306.300 \text{ đồng}$.

+ Đối với lao động qua đào tạo nghề làm việc ở doanh nghiệp trên địa bàn Vùng IV được trả lương với mức thấp nhất như sau: $2.760.000 \text{ đồng} + (2.760.000 \times 7\%) = 2.953.200 \text{ đồng}$.

+ Tính bình quân của mức lương tối thiểu mà doanh nghiệp chi trả cho người lao động đã qua đào tạo là: $(\text{Vùng III} + \text{Vùng IV})/2 = (3.306.300 \text{ đồng} + 2.953.200 \text{ đồng})/2 = 3.129.750 \text{ đồng}$.

Vì vậy, đề xuất “Hỗ trợ doanh nghiệp tuyển dụng lao động qua đào tạo nghề” là 3.000.000 đồng.

Trên đây là Bản thuyết minh về cơ sở xây dựng và trình dự thảo Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ đào tạo nghề, giải quyết việc làm trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi./.
